

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/FES(VN)/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (Có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (Có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Hillway Trà sữa trân châu đường đen.

2. Thành phần:

- Gói trà sữa:

Thành phần: Bột kem (53 %)[siro glucose, dầu cọ tinh luyện và/hoặc dầu dừa tinh luyện, protein sữa (2,4 %), chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông vón (551), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (160a(i))], đường, bột đường đen (5 %), bột trà (4 %), muối, hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

- Gói trân châu:

Thành phần: Nước, đường, chất làm dày (425, 407, 410, 418, 415, 401), chất ổn định (332(ii), 508), chất tạo màu tổng hợp (màu caramen nhóm IV (150d)), chất điều chỉnh độ acid (327, 330, 296, 331(iii)), hương liệu tổng hợp, chất bảo quản (202), chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Gói trà sữa:

Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Gói trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Hộp thành phẩm trà sữa trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Ngày đóng gói, Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Ly thành phẩm trà sữa trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Ngày đóng gói (NDG), Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Gói trà sữa: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 28 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 112 g (4 gói x 28 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Gói trân châu: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 30 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 120 g (4 gói x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 232 g (Gồm 4 gói trà sữa x 28 g, 4 gói trân châu x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Ly giấy có khối lượng tịnh: 58 g (Gồm 1 gói trà sữa x 28 g, 1 gói trân châu x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Gói trân châu được sản xuất tại:

Chi nhánh Công ty TNHH MAGISEA

Địa chỉ: 38 Bình Mỹ, xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Có Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 (Có giá trị đến ngày 12/08/2027), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1. Đối với gói trà sữa:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6).

4.1.2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Các tiêu chuẩn khác: Theo Tiêu chuẩn số 01/FES(VN)/2025 ngày 08/01/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

4.2. Đối với gói trân châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.2.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 3.24).

4.2.2. Thông tư các Bộ ngành:

- Quyết định số 2204/QĐ-BYT: Quy định tạm thời mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Các tiêu chuẩn khác: Theo Tiêu chuẩn số 01/FES(VN)/2025 ngày 08/01/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

4.3. Đối với thành phẩm trà sữa trân châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Các tiêu chuẩn khác đối với gói trà sữa và gói trân châu: Theo Tiêu chuẩn số 01/FES(VN)/2025 ngày 08/01/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara

Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 01/FES(VN)/2025
Thực phẩm thường	HILLWAY TRÀ SỮA TRÂN CHÂU ĐƯỜNG ĐEN	Ngày: 08/01/2025

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm “Hillway Trà sữa trân châu đường đen” của công ty.

2. Yêu cầu về các chỉ tiêu an toàn:

2.1. Đối với gói trà sữa:

2.1.1. *Chỉ tiêu độc tố vi nấm:* Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

2.1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	E. coli	cfu/g	Không được có
4	S. aureus	cfu/g	10
5	Cl. perfringens	cfu/g	10
6	Bacillus cereus	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	/25g	Không được có
8	Tổng số bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10 ²

2.1.3. *Các chỉ tiêu kim loại nặng:* Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	2
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
4	Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2.2. Đối với gói trà châu:

2.2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	E. coli	cfu/g	Không được có
4	S. aureus	cfu/g	10
5	Cl. perfringens	cfu/g	10
6	Bacillus cereus	cfu/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10^2

2.2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 3.24)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	1

2.2.3. Quyết định số: 2204/QĐ-BYT: Quy định tạm thời mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	DEHP	mg/l	1,5



3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 58 g (Gồm 1 gói trà sữa 28 g + 1 gói trà châu 30 g)	Mức tối thiểu có trong 58 g (*) (Gồm 1 gói trà sữa 28 g + 1 gói trà châu 30 g)
1	Năng lượng	kcal	173	121,10
2	Chất đạm	g	0,6	0,420

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 58 g (Gồm 1 gói trà sữa 28 g + 1 gói trân châu 30 g)	Mức tối thiểu có trong 58 g (*) (Gồm 1 gói trà sữa 28 g + 1 gói trân châu 30 g)
3	Carbohydrat	g	31,4	21,980
4	Đường tổng số	g	27,3	19,110
5	Chất béo	g	4,7	3,290
6	Natri	mg	104	72,80

Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn



HILLWAY®

Trà sữa trân châu Đường đen

Black sugar Milk tea sachet



28 g

Gói Trà sữa

Hình ảnh chỉ mang tính minh họa

THÀNH PHẦN: Bột kem (53 %) [siro glucose, dầu cô tinh luyện và/hoặc dầu dừa tinh luyện, protein sữa (2,4 %), chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông von (551), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (160a(i)), đường, bột đường đen (5 %), bột trà (4 %), muối, hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 28 g

NSX: 24 tháng trước HSD / HSD: Xem trên bao bì
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM.

CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓI TRÀ SỮA, ĐÓNG GÓI HOÀN CHỈNH VÀ CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ SẢN PHẨM:

CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

☎ **ĐIỆN THOẠI:** (+84) 2743 767 188

FAX: (+84) 2743 767 128

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

1. Cho 1 gói Trà sữa vào ly
2. Thêm 70 ml nước nóng, khuấy đều
3. Thêm đá nếu uống lạnh
4. Cho gói TRÂN CHÂU và thưởng thức



Theo nhượng quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.
(A member of Food Empire Holdings Limited)

P9HW-TEBSW0-VN241



Gói không bán lẻ

DÙNG KÈM GÓI TRÀ SỮA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Được dùng theo hướng dẫn trên gói trà sữa.

THÀNH PHẦN: Nước, đường, chất làm dày (425, 407, 410, 418, 415, 401), chất ổn định (332(ii), 508), chất tạo màu tổng hợp (màu caramen nhóm IV (150d)), chất điều chỉnh độ acid (327, 330, 296, 331(iii)), hương liệu tổng hợp, chất bảo quản (202), chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 30 g

NSX: 18 tháng trước HSD / **HSD:** Xem trên bao bì

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Khuyến cáo: Nhai kỹ trước khi nuốt. Trẻ em dưới 11 tuổi nên ăn dưới sự giám sát của người lớn.

SẢN XUẤT TẠI: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAGISEA

ĐỊA CHỈ: 38 Bình Mỹ, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

35x14

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM.

ĐÓNG GÓI HOÀN CHỈNH VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ

SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: Số 11, Đường Số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore,

P. Bình Hoà, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

ĐIỆN THOẠI: (+84) 2743 767 188

FAX: (+84) 2743 767 128

HILLWAY® Gỏi trần châu

Bubble sachet



Hương vị
ĐƯỜNG ĐEN



30g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

B1 5*10



HILLWAY® Trà sữa trân châu Đường đen

Black sugar Milk tea



Có trân châu hương vị đường đen

Chuẩn vị ĐÀI LOAN

khối lượng tịnh: 58 g
Gồm 1 gói trà sữa x 28 g,
1 gói trân châu x 30 g

HILLWAY®

THÀNH PHẦN:

Gói trà sữa: Bột kem (53 %), siro glucose, dầu cọ tinh luyện và hoặc dầu dừa tinh luyện, protein sữa (2,4 %), chất ổn định (340(i), 452(i)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông (551), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (160a(i)), đường bột dùng để tạo độ ngọt (5%), muối, hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).
Gói trân châu: nước, đường, chất làm dày (425, 407, 410, 418, 415, 401), chất ổn định (322(ii), 508), chất tạo màu chính màu caramen nhôm IV (150d)), chất tạo màu hợp chất đỏ acid (327, 330, 296, 337(iii)), chất dẻo tổng hợp (950).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Khuyến cáo: Nhai kỹ trước khi nuốt. Trẻ em dưới 11 tuổi nên ăn dưới sự giám sát của người lớn.

Số TCB: 01/FES(VN)/2025

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

NSX: 18 tháng trước HSD

Ngày đóng gói (NGD), HSD: Xem trên bao bì

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM.

Có sự sản xuất gói Trà sữa, đóng gói hoàn chỉnh và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (84) 274.3767 188

Fax: (84) 274.3767 128

Theo nhượng quyền của

FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.

(A member of Food Empire Holdings Limited)

Hướng dẫn sử dụng:

1. Cho 1 gói TRÀ SỮA vào ly
2. Thêm 70ml nước nóng, khuấy đều
3. Thêm đá vào ly nếu uống lạnh
4. Cho gói TRẦN CHÂU vào và thưởng thức

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Tổng số khẩu phần ăn 1		Kính cỡ một khẩu phần ăn 1		1 gói trà sữa (28 g) + 1 gói trân châu (30 g) = 58 g	
Thành phần dinh dưỡng		Trên một khẩu phần ăn		% giá trị dinh dưỡng (tính trên cơ sở 100%)	
Mức năng lượng	173	173	173	4%	4%
Chất đạm	0,6	0,6	0,6	1%	1%
Carbohydrat	31,4	31,4	31,4	6%	6%
Đường tổng số	27,3	27,3	27,3	5%	5%
Chất béo	4,7	4,7	4,7	9%	9%
Natri	104	104	104	2%	2%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ dựa trên nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (tính trên cơ sở khẩu phần 2000 kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.

Nếu nước đến đây này thì

Quality Product

Food Empire



HILLWAY® Trà sữa trân châu đường đen

Black sugar Milk tea



Chuẩn vị
ĐÀI LOAN

Khối lượng tịnh:
58 g
Gồm 1 gói trà sữa x 28 g,
1 gói trân châu x 30 g



HILLWAY®

THÀNH PHẦN:

Gói trà sữa: Bột kem (63%), siro glucose, dầu cọ tinh luyện và hoặc dầu dừa tinh luyện, protein sữa (2,4%), chất ổn von (55%), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (E160a(i)), đường, bột đường đen (5%), bột trà (4%), muối, hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt Acesulfam kali. Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Gói trân châu: Nước, đường, chất làm dày (425, 407, 410, 418, 415, 401), chất ổn định (332(ii), 508), chất tạo màu tổng hợp (màu caramen, phẩm IV (E150d)), chất điều chỉnh độ acid (327, 330, 296, 331(iii)), chất điều hòa, chất bảo quản (202), chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Khuyến cáo: Nhai kỹ trước khi nuốt. Trẻ em dưới 11 tuổi nên ăn dưới sự giám sát của người lớn.

Số TCB: 01/FES(VN)/2025

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

NSX: 18 tháng trước HSD

Ngày đóng gói (NDG): HSD: Xem trên bao bì

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM.

Cơ sở sản xuất gói Trà sữa, đóng gói hoàn chỉnh và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An,

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767 788

Fax: (+84) 274 3767 728

Theo nhượng quyền của
FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.
(A member of Food Empire Holdings Limited)



1. Cho 1 gói **TRÀ SỮA** vào ly
2. Thêm 70ml nước nóng, khuấy đều
3. Thêm đá vào ly nếu uống lạnh
4. Cho gói **TRÂN CHÂU** vào và thưởng thức

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên mỗi gói (28 g) + 1 gói trân châu (30 g) - 58 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (VN)
Năng lượng	173 kcal	9%
Chất đạm	0,6 g	1%
Carbohydrat	31,4 g	10%
Đường tổng số	27,3 g	8%
Chất béo	4,7 g	5%
Natri	104 mg	5%

Rót nước đến vạch này nhé



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00048996
Mã số kết quả : AR-24-VD-052155-01-VI / EUVNHC-00264316 - 1



Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tên mẫu : Gói trân châu của sản phẩm "Hillway Trà Sữa Trân Châu Đường Đen"
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 12/04/2024
Thời gian thử nghiệm : 13/04/2024 - 19/04/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/04/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2404111564
Mã số mẫu Eol : 005-32410-258502



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
9	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/04/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/04/2024.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00048995
Mã số kết quả : AR-24-VD-052154-01-VI / EUVNHC-00264316



Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tên mẫu : Gói trà sữa của sản phẩm "Hillway Trà Sữa Trân Châu Đường Đen"
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm
Ngày nhận mẫu : 12/04/2024
Thời gian thử nghiệm : 13/04/2024 - 19/04/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/04/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2404111564
Mã số mẫu Eol : 005-32410-258501

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	490
10	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
12	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
13	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/04/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/04/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00048997
Mã số kết quả : AR-24-VD-052542-02-VI / EUVNHC-00264316 - 2



Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tên mẫu : Hillway Trà Sữa Trân Châu Đường Đen
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 12/04/2024
Thời gian thử nghiệm : 13/04/2024 - 19/04/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/04/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2404111564
Mã số mẫu Eol : 005-32410-258503

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD1ZL VD <i>Bacillus cereus</i>	/g	EVN-R-RD-3-TP-3715 (Phương pháp có sửa đổi: Ref. AOAC 980.31)	Không phát hiện
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	397
10	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	275
11	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
12	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
13	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
14	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
18	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/04/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/04/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-y-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-052542-01/743-2024-00048997, xuất ngày 24/04/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00048997 & 743-2024-00057585

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-052542-02 / EUVNHC-00264316 & AR-24-VD-059294-01 / EUVNHC-00267092

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 58 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	173	kcal	9%
Chất đạm (Protein)	0.6	g	1%
Carbohydrate	31.4	g	10%
Đường tổng số (Total Sugars)	27.3	g	
Chất béo (Fat)	4.7	g	8%
Natri (Sodium)	104	mg	5%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Serving size 58g = 28g (teamix) + 30g(bubble)

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.